

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 304

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pu Tha Ca. C. Phu Luông. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Sóng thần. C. Trượt đất. D. Cát bay.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Lâm Đồng. D. Bình Thuận.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Yên Bái. B. Thanh Hóa. C. Hạ Long. D. Hải Phòng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 47: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. bón phân hóa học. C. nông - lâm kết hợp. D. dùng thuốc diệt cỏ.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Đà Nẵng. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Yên Bái. D. Phú Thọ.

Câu 52: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. thềm lục địa. D. nội thủy.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Cà. B. Sông Mã. C. Sông Cầu. D. Sông Chu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Nậm Cắn. C. Cầu Treo. D. Đông Hà.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Đa dạng hóa các loại hình. B. Mùa đông dừng hoạt động.
C. Thu hút nhiều vốn đầu tư. D. Phát triển nhiều điểm mới.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?
 A. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu. B. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.
 C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?
 A. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa. B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
 C. Hướng núi phổ biến bắc - nam. D. Không có đồng bằng đất phù sa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?
 A. Số lượng đông hơn dân thành thị. B. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.
 C. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị. D. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?
 A. Lao động đông đảo và có chất lượng cao. B. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.
 C. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời. D. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?
 A. Có nhiều cao nguyên. B. Núi cao nhất cả nước.
 C. Có hướng vòng cung. D. Thấp và hẹp ngang.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?
 A. Số lượng đông đảo. B. Trình độ rất cao. C. Phân bố đồng đều. D. Cơ cấu không đổi.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

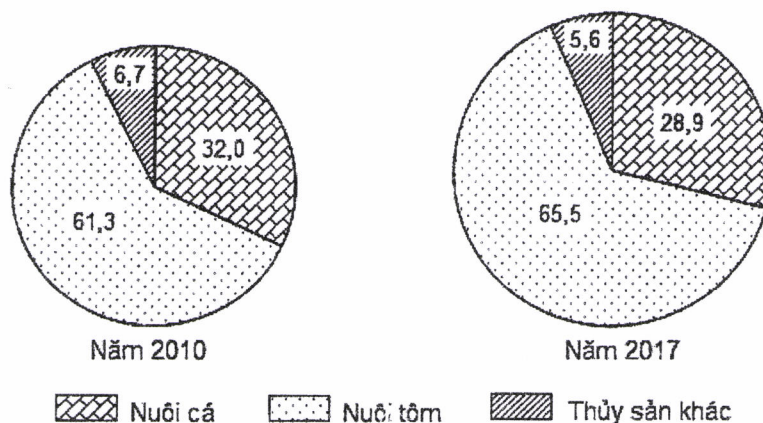
Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?
 A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
 C. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?
 A. Có các vùng chuyên canh. B. Sử dụng nhiều giống tốt.
 C. Tập trung ở các đồng bằng. D. Chủ yếu là cây nhiệt đới.

Câu 64: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
 C. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. D. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.

Câu 65: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
 A. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu. B. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
 C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt. D. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.

Câu 66: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm
 A. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm. B. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
 C. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản. D. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

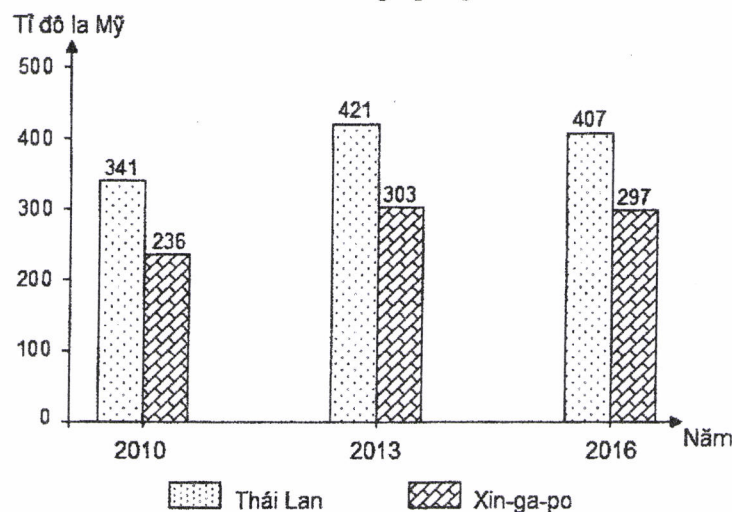
Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là
 A. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm. B. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
 C. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư. D. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Câu 68: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là
 A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
 B. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
 C. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
 D. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là
 A. gió mùa Tây Nam. B. gió phơn Tây Nam.
 C. gió mùa Đông Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
 A. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt. B. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
 C. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới. D. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
 A. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
 B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
 C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
 D. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
B. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
C. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
D. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
B. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.
C. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
B. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
D. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Câu 77: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
B. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
C. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 305

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pha Luông. B. Kiều Liêu Ti. C. Phu Luông. D. Phu Pha Phong.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Lao Bảo. B. Huế. C. Đồng Hới. D. Cha Lo.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hà Giang. B. Bắc Kạn. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La. B. Hà Nội. C. Hạ Long. D. Hải Phòng.

Câu 45: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp. C. dùng thuốc diệt cỏ. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng XII. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 48: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. nội thủy. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. lãnh hải. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Khánh Hòa.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Mã. D. Sông Cả.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Cát bay. B. Lụt úng. C. Lũ quét. D. Ngập mặn.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Vân Đồn.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 56: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Số lượng đông và tăng. B. Lực lượng trẻ dồi dào.
C. Cần cù và sáng tạo. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. B. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. D. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.

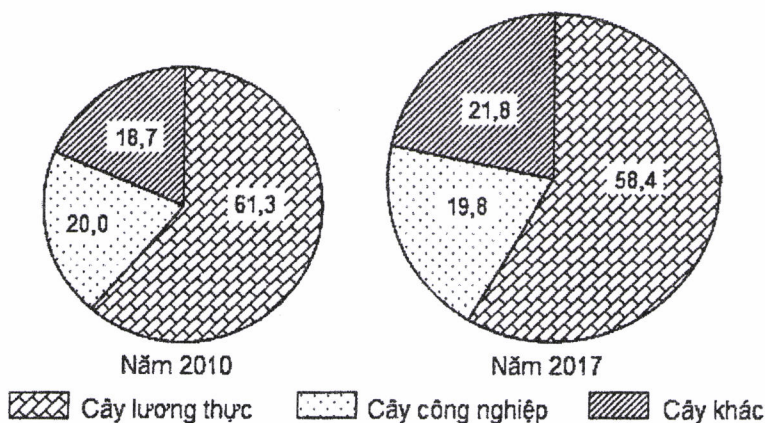
Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Có trình độ lao động rất cao. B. Cơ cấu cây trồng có thay đổi.
C. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật. D. Sản phẩm đã được xuất khẩu.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ. B. Loại hình sản phẩm rất đa dạng.
C. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. D. Chỉ thu hút được khách nội địa.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây lương thực giảm, cây khác tăng. B. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. D. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Khối lượng vận chuyển lớn. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Mạng lưới phát triển rộng. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Số lượng tăng qua các năm. B. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.
C. Phân bố đều giữa các vùng. D. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ. B. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm.
C. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao. D. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.

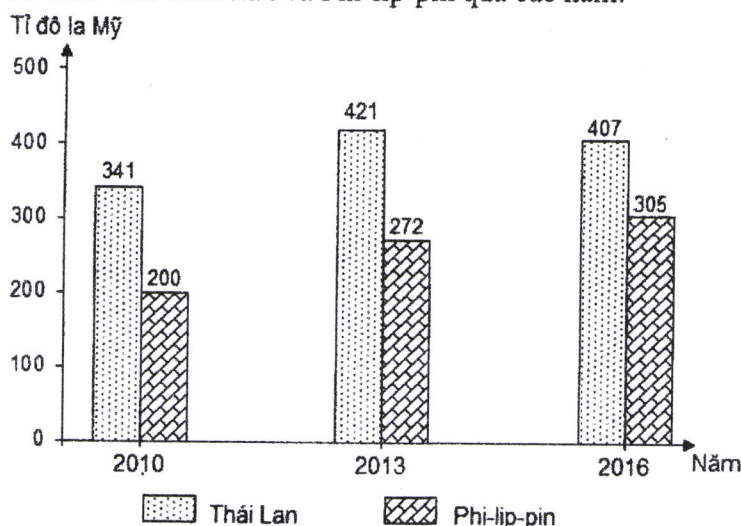
Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Có nhiều cao nguyên badan. D. Hướng núi chính vòng cung.

Câu 65: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau. B. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
C. các loại đất với đặc tính phù hợp. D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
C. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
D. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 68: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió mùa Tây Nam. B. gió phơn Tây Nam.
C. gió mùa Đông Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu. B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
C. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt. D. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
B. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
C. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lý các tài nguyên.
D. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.

Câu 71: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. B. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
C. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn. D. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu. B. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
C. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường. D. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
B. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 74: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- B. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
- C. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- D. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- D. hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
- B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
- C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. phân bổ sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- B. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- C. đổi mới quản lý, tăng cường liên kết với các nước.
- D. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Đường.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
- B. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- C. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- D. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- C. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- D. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 306

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Tây Côn Lĩnh. C. Pu Tha Ca. D. Phu Luông.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Bình Thuận. D. Lâm Đồng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Cầu. D. Sông Mã.

Câu 46: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. nông - lâm kết hợp. B. bón phân hóa học. C. đào hồ vẫy cá. D. dùng thuốc diệt cỏ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Đà Nẵng. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 48: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. thềm lục địa. D. nội thủy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Lai Châu. D. Phú Thọ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hạ Long. B. Hải Phòng. C. Yên Bái. D. Thanh Hóa.

Câu 51: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Sóng thần. B. Lũ quét. C. Trượt đất. D. Cát bay.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hà. B. Đồng Hới. C. Nậm Cắn. D. Cầu Treo.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng IX.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang. B. Có hướng vòng cung.
C. Có nhiều cao nguyên. D. Núi cao nhất cả nước.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo. B. Phân bố đồng đều. C. Trình độ rất cao. D. Cơ cấu không đổi.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Chủ yếu là cây nhiệt đới. B. Sử dụng nhiều giống tốt.
C. Tập trung ở các đồng bằng. D. Có các vùng chuyên canh.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông hơn dân thành thị. B. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
C. Trình độ khoa học kỹ thuật cao. D. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Mùa đông dừng hoạt động. B. Đa dạng hóa các loại hình.
C. Phát triển nhiều điểm mới. D. Thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 60: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
C. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. D. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.

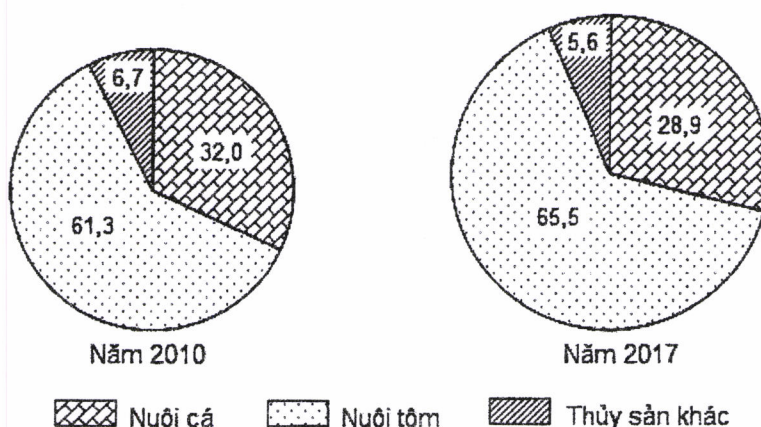
Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa. B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
C. Hướng núi phổ biến bắc - nam. D. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.

Câu 63: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. B. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. D. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Ngành non trẻ và phát triển nhanh. B. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.
C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.

Câu 66: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- B. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- C. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.
- D. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

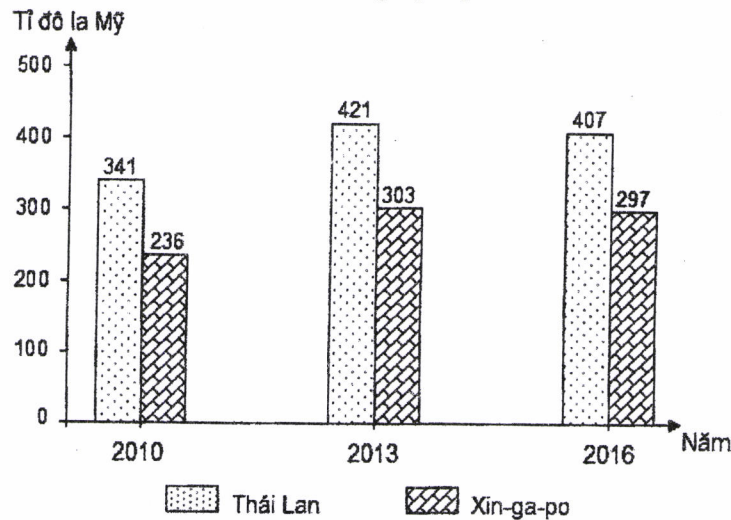
Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 71: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- B. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- C. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- D. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- C. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
C. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
D. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
B. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
C. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
D. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 76: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
D. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
D. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
B. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
D. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.